

UBND TỈNH KIÊN GIANG
SỞ Y TẾ

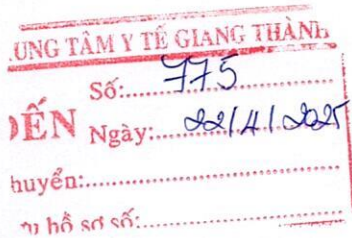
Số: 1129 /SYT-BTXHTEPCTNXH
V/v thực hiện Nghị quyết số 07/2025/NQ-
HĐND ngày 08/01/2025 của Hội đồng nhân
dân tỉnh Kiên Giang

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Kiên Giang, ngày 21 tháng 4 năm 2025

Kính gửi:

- Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố;
 - Các phòng chuyên môn, cơ quan, đơn vị thuộc, trực thuộc Sở Y tế;
 - Phòng Y tế các huyện, thành phố;
 - Phòng Nội vụ huyện Gò Quao.
- (sau đây gọi tắt là các cơ quan, đơn vị, địa phương).



Ngày 08/01/2025 Hội đồng nhân dân tỉnh Kiên Giang đã ban hành Nghị quyết số 07/2025/NQ-HĐND, quy định chính sách và mức chi đặc thù cho trẻ em trên địa bàn tỉnh Kiên Giang, có hiệu lực từ ngày 18/01/2025;

Căn cứ Quyết định số 442/QĐ-UBND ngày 24/02/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Y tế tỉnh Kiên Giang.

Sở Y tế đăng tải toàn văn Nghị quyết số 07/2025/NQ-HĐND trên Trang Thông tin điện tử Sở Y tế tỉnh Kiên Giang, địa chỉ: <https://syti.kiengiang.gov.vn/Trang/TrangChu.aspx>. Đề nghị các cơ quan, đơn vị, địa phương tiếp tục phổ biến, tuyên truyền và thực hiện các chính sách, áp dụng mức chi đặc thù cho trẻ em trên địa bàn tỉnh Kiên Giang theo quy định tại Nghị quyết.

Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn vướng mắc, đề nghị các cơ quan, đơn vị, địa phương báo cáo bằng văn bản gửi về Sở Y tế (qua Phòng Bảo trợ xã hội, trẻ em và phòng, chống tệ nạn xã hội) để kịp thời tổng hợp, báo cáo đề xuất với Ủy ban nhân dân tỉnh./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND tỉnh (để báo cáo);
- Giám đốc và các Phó GD Sở;
- Trang TTĐT Sở Y tế (để đăng tải NQ);
- Lưu: VT, pkdiem.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Trần Quốc Tuấn

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 07/2025/NQ-HĐND

Kiên Giang, ngày 08 tháng 01 năm 2025

NGHỊ QUYẾT
Quy định chính sách và mức chi đặc thù cho trẻ em
trên địa bàn tỉnh Kiên Giang

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG
KHÓA X, KỲ HỌP THỨ BA MƯƠI MỐT

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Trẻ em ngày 05 tháng 4 năm 2016;

Căn cứ Luật Người khuyết tật ngày 17 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Nghị quyết số 121/2020/QH14 ngày 19 tháng 6 năm 2020 của Quốc hội Khóa XIV về tiếp tục tăng cường hiệu lực, hiệu quả thực hiện chính sách pháp luật về phòng, chống xâm hại trẻ em;

Căn cứ Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội;

Căn cứ Nghị định số 76/2024/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội;

Căn cứ Nghị định số 56/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Trẻ em;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước.

Xét Tờ trình số 454/TTr-UBND ngày 16 tháng 12 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh dự thảo Nghị quyết quy định chính sách và mức chi đặc thù cho trẻ em trên địa bàn tỉnh Kiên Giang; Báo cáo thẩm tra số 55/BC-HĐND ngày 23

tháng 12 năm 2024 của Ban Văn hóa - Xã hội, Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định chính sách và mức chi đặc thù cho trẻ em trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Trẻ em trên địa bàn tỉnh Kiên Giang là người dưới 16 tuổi theo quy định tại Điều 1 Luật Trẻ em.

2. Trẻ em đang được chăm sóc, nuôi dưỡng, quản lý tại các Cơ sở trợ giúp xã hội được thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật trên địa bàn tỉnh Kiên Giang, Cơ sở cai nghiện ma túy đa chức năng tỉnh Kiên Giang.

3. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 3. Nguyên tắc hỗ trợ

1. Kinh phí hỗ trợ được chi cho cha hoặc mẹ hoặc người giám hộ hợp pháp của trẻ em theo quy định của pháp luật.

2. Căn cứ vào các giấy tờ tùy thân hợp pháp của trẻ em theo quy định của pháp luật để xác định độ tuổi của trẻ em.

Điều 4. Nội dung và mức hỗ trợ cho trẻ em trên địa bàn tỉnh Kiên Giang

1. Hỗ trợ cho trẻ em vào Tháng hành động vì trẻ em, tết Trung thu hàng năm.

a) Hỗ trợ cho trẻ em đang sinh sống tại gia đình và cộng đồng trên địa bàn tỉnh Kiên Giang thuộc 14 nhóm trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt theo quy định tại khoản 1 Điều 10 của Luật Trẻ em.

Mức hỗ trợ bằng 01 lần mức chuẩn trợ giúp xã hội/trẻ em/lần, hỗ trợ 02 lần/năm.

b) Hỗ trợ cho trẻ em được chăm sóc, nuôi dưỡng, quản lý tại Các cơ sở trợ giúp xã hội được thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật, Cơ sở cai nghiện ma túy đa chức năng tỉnh Kiên Giang để tổ chức các hoạt động sinh hoạt, vui chơi vào Tháng hành động vì trẻ em và tết Trung thu hàng năm.

Mức hỗ trợ: 100.000 đồng/trẻ em/lần, hỗ trợ 02 lần/năm.

2. Hỗ trợ cho trẻ em khi đang nằm viện điều trị tại cơ sở y tế tuyến huyện trở lên vào ngày tết Nguyên đán hàng năm.

Hỗ trợ cho trẻ em thuộc 14 nhóm trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt theo quy định tại khoản 1 Điều 10 của Luật Trẻ em; trẻ em thuộc hộ nghèo, thuộc hộ cận nghèo.

Mức hỗ trợ bằng 01 lần mức chuẩn trợ giúp xã hội/trẻ em/năm.

3. Hỗ trợ giải quyết khó khăn trong trường hợp trẻ em bị xâm hại, bệnh, tật, tai nạn, rủi ro trong cuộc sống.

a) Hỗ trợ trẻ em bị xâm hại tình dục; trẻ em bị tổn hại nghiêm trọng về thể chất và tinh thần do bị bạo lực; trẻ em bị mua bán; trẻ em bị bắt cóc (*Trẻ em là người dưới 16 tuổi tại thời điểm xảy ra vụ việc*).

Mức hỗ trợ bằng 10 lần mức chuẩn trợ giúp xã hội/trẻ em/vụ việc; trường hợp nếu bị tử vong hỗ trợ bằng 20 lần mức chuẩn trợ giúp xã hội/trẻ em.

b) Hỗ trợ trẻ em thuộc hộ nghèo, thuộc hộ cận nghèo khi bị tai nạn, thương tích phải nằm viện điều trị tại cơ sở y tế tuyến huyện trở lên.

- Hỗ trợ bằng 10 lần mức chuẩn trợ giúp xã hội/trẻ em/vụ việc nếu có tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 11% đến 20%, đã bao gồm chi phí giám định y khoa.

- Hỗ trợ bằng 15 lần mức chuẩn trợ giúp xã hội/trẻ em/vụ việc nếu có tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 21% trở lên, đã bao gồm chi phí giám định y khoa.

- Hỗ trợ bằng 20 lần mức chuẩn trợ giúp xã hội/trẻ em nếu bị tử vong.

c) Hỗ trợ trẻ em mắc bệnh hiểm nghèo theo quy định tại Phụ lục IV danh mục ban hành kèm theo Nghị định số 134/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu hoặc bệnh cần chữa trị dài ngày theo quy định tại danh mục được ban hành kèm theo Thông tư số 46/2016/TT-BYT ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành Danh mục bệnh cần chữa trị dài ngày, thuộc hộ nghèo, thuộc hộ cận nghèo phải nằm viện điều trị tại các cơ sở y tế từ tuyến huyện trở lên.

Hỗ trợ một lần bằng 20 lần mức chuẩn trợ giúp xã hội/trẻ em.

d) Hỗ trợ chi phí khám, chẩn đoán bệnh, điều trị bệnh cho trẻ em khuyết tật theo quy định của Luật Người khuyết tật thuộc hộ nghèo, thuộc hộ cận nghèo.

- Hỗ trợ chi phí đến khám, chẩn đoán bệnh bằng 03 lần mức chuẩn trợ giúp xã hội/trẻ em/đợt khám/năm.

- Hỗ trợ tiền ăn trong thời gian điều trị tại bệnh viện bằng 0,2 lần mức chuẩn trợ giúp xã hội/ngày/trẻ em, hỗ trợ theo thực tế số ngày điều trị nhưng không quá 15 ngày/đợt điều trị.

Điều 5. Kinh phí thực hiện

1. Ngân sách nhà nước theo phân cấp của Luật Ngân sách nhà nước.

2. Nguồn kinh phí huy động từ các nguồn tài trợ, đóng góp của các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân và các nguồn tài trợ hợp pháp khác.

Điều 6. Tổ chức thực hiện

1. Hội đồng nhân dân giao Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết này.
2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.
3. Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Kiên Giang Khóa X, Kỳ họp thứ Ba mươi một thông qua ngày 31 tháng 12 năm 2024 và có hiệu lực từ ngày 18 tháng 01 năm 2025.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Bộ LĐTB&XH;
- Cục Kiểm tra VBQPPL (Bộ Tư pháp);
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Thường trực HĐND cấp huyện;
- Ủy ban nhân dân cấp huyện;
- Đảng công báo tỉnh;
- Trang thông tin điện tử;
- Văn phòng điện tử;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH



Lâm Minh Thành

Lâm Minh Thành

PHIẾU GIẢI QUYẾT VĂN BẢN ĐẾN

Số: 129/SYT-BTXHTEP.CN ngày, 21 tháng 4 năm 2025.....

1. Ý kiến của lãnh đạo cơ quan, tổ chức

- Giao đơn vị, cá nhân chủ trì;.....P. Dân.....KS.....
- Giao các đơn vị, cá nhân tham gia phối hợp giải quyết văn bản đến (nếu có);

- Thời hạn giải quyết đối với mỗi đơn vị, cá nhân (nếu có);.....

- Ngày,.....thángnăm.....cho ý kiến phân phối, giải quyết.....

2. Ý kiến của lãnh đạo Khoa, Phòng

- Giao cho cá nhân; thời hạn giải quyết đối với cá nhân (nếu có);

- Ngày,... tháng,... năm.....cho ý kiến.....

3. Ý kiến đề xuất của người giải quyết.

- Ý kiến đề xuất giải quyết văn bản đến của cá nhân;

- Ngày,..... tháng,..... năm..... đề xuất ý kiến.....